TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỚN QUẢN** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2018/HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 8 năm 2018
V/v *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỚN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Nhum
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hoàng Văn Tân
2. Bà Trương Thị Ngọc Linh

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Hữu Long – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 255/2018/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2018 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Thị H, sinh năm 1975 (có mặt)
Địa chỉ: Tổ 3, ấp 6, xã NB, huyện CT, tỉnh Bình Phước
- *Bị đơn:* Ông Điểu XR, sinh năm 1963 (vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ 7, ấp TH, xã AP, huyện HQ, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 16/5/2018 và quá trình gải quyết vụ án, nguyên đơn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Do được mai mối nên bà Thị H và ông Điểu XR tự nguyện chung sống và tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại xã Phước An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước vào năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã do không hợp tính tình và suy nghĩ trong cuộc sống. Năm 2006, ông XR đến xã AP, huyện còn bà H chuyển về xã NB, huyện CT sinh sống và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nhận thấy, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu ly hôn với ông XR.

Về con chung: Bà H và ông XR có 02 người con chung là Điểu R, sinh ngày 12/01/1992 và Điểu P, sinh ngày 15/9/2001. Khi ly hôn bà H yêu cầu trực tiếp nuôi

dưỡng con chung tên Điểu P mà không yêu cầu ông XR cấp dưỡng nuôi con, còn Điểu R đã trưởng thành và lập gia đình riêng nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà H và ông XR có 1 căn nhà cấp 4 trên thửa đất khoảng 1 ha đất trồng điều năm 2002 tại tổ 7, ấp TH, xã AP, huyện HQ, tỉnh Bình Phước nhưng vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông XR và bà H không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 26/6/2018 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Điểu Xa Rế trình bày: Ông XR thống nhất với phần trình bày của bà H về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung nhưng mâu thuẫn vợ chồng bắt nguồn từ việc bà H theo người đàn ông khác sang xã NB, huyện CT, tỉnh Bình Phước sinh sống cho đến nay. Trước yêu cầu của bà H thì ông XR đồng ý ly hôn và giao con chung tên Điểu P cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành mà ông XR không cấp dưỡng nuôi con, còn cháu R đã trưởng thành nên ông XR không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Kiểm sát viên phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật; các đương sự chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Các đương sự chung sống từ năm 1990 cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận ông XR và bà H là vợ chồng, đồng thời các đương sự thống nhất giao con chung tên Điểu P cho bà Hoa trực tiếp nuôi dưỡng mà ông ông XR không cấp dưỡng nuôi con, sự thỏa thuận của các đương sự là không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với nguyên vọng của cháu P nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

Bà Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Điểu XR có nơi cư trú tại tổ 7, ấp TH, xã AP, huyện HQ, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Điểu XR vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Điểu XR và bà Thị H thống nhất ông bà tự nguyện chung sống và làm lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 1990 nhưng không có đăng ký kết hôn, chung sống hạnh phúc đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn. Tuy các đương sự không thống nhất về nguyên nhân mâu thuẫn, cụ thể bà H cho rằng hai người không hòa hợp trong suy nghĩ, lối sống dẫn đến cãi vã còn ông XR cho rằng bà H ngoại tình nhưng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H. Tuy nhiên, quan hệ hôn nhân chỉ được công nhận và Tòa án giải quyết cho ly hôn khi các đương sự thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó căn cứ quy định tại điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 thì ông Điểu XR và bà Thị H không được công nhận là vợ chồng.

[2]. Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông Điểu XR và bà Thị H có hai người con chung tên Điểu R, sinh ngày 12/01/1992 và Điểu P, sinh ngày 15/9/2001. Ông XR và bà H thống nhất giao cháu P cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành mà ông R không phải cấp dưỡng nuôi con, nhận thấy sự thỏa thuận của các đương sự là không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với nguyện vọng được ở chung với mẹ của cháu P nên được ghi nhận. Cháu R hiện đã trưởng thành và lập gia đình, ông XR và bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về tài sản chung: Ông Điểu XR xác định vợ chồng không có tài sản chung và bà Thị H xác định vợ chồng có 1 căn nhà cấp 4 trên thửa đất khoảng 1 ha đã trồng điều năm 2002 nhưng bà H cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về nợ chung: Ông Điểu XR và bà Thị H thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

Về án phí sơ thẩm: Bà Thị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, các điều 35, 39, 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; các điều 14, 15, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 và 119 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* của bà Thị H, tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Thị H, sinh năm 1975; trú tại tổ 3, ấp 6, xã NB, huyện CT, tỉnh Bình Phước và ông Điểu XR, sinh năm 1963; trú tại tổ 7, ấp TH, xã AP, huyện HQ, tỉnh Bình Phước là vợ chồng.

[2]. Về con chung: Giao con chung tên Điểu P, sinh ngày 15/9/2001 cho bà Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi mà ông Điểu XR không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông XR có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, ông XR và bà H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004751 ngày 07 tháng 6 năm 2018.

[4]. Về quyền kháng cáo: Bà Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể tuyên án; ông Điểu XR có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- Chi cục THADS huyện Hớn Quản;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Văn Nhum